TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày: 19-7-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn H Hải
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BV. Địa chỉ trụ sở: Đường NTMK, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức V sinh năm 1985. Nơi cư trú: Đường THĐ, phường AP, quận NK, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền số 29/2019/UQ-VCCBCT ngày 19-7-2019 "có mặt"

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1974 và bà Cao Thị T sinh năm 1974 – Chủ doanh nghiệp tư nhân HP. Nơi cư trú: Ấp TQ, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt"

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn H P sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp TQ, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt"

- Anh Cao Văn M sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp TH, xã TL, huyện VT, thành phố Cần Thơ "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2018, quá trình tố tụng người đại diện của nguyên đơn anh Huỳnh Minh Phúc và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức V trình bày:

Ngày 02/10/2017 Ngân hàng TMCP BV với ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị T (Chủ doanh nghiệp tư nhân H Phúc) ký kết Hợp đồng tín dụng số 0395/00616/02.HĐTDHM ngày 27-12-2016. Theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng ông H vay số tiền 2.000.000.000đồng, mục đích vay kinh doanh lúa gạo, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng giấy nợ tùy thuộc vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của bên được cấp tín dụng, lãi suất cho vay được xác định theo từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể theo từng giấy nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Số tiền vay theo hợp đồng được giải ngân 03 đợt:

Đợt 1: Giải ngân số tiền 997.000.000đồng (Giấy nhận nợ số 7/0395/00616/02.HĐTDHM ngày 02/10/2017, lãi suất 10,2%/năm);

Đợt 2: Giải ngân số tiền 850.000.000đồng (Giấy nhận nợ số 8/0395/00616/02.HĐTDHM ngày 03/10/2017, lãi suất 10,2%/năm);

Đợt 3: Giải ngân số tiền 153.000.000đồng (Giấy nhận nợ số 9/0395/00616/02.HĐTDHM ngày 04/10/2017, lãi suất 10,5%/năm.

Ngày 27-12-2016 vợ chồng ông H với Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng số 0396/00616/04.HĐTDTLTDH ngày 27/12/2016. Theo đó, vợ chồng ông H vay số tiền 260.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 12 tháng đầu là 11%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ + biên độ 3,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Theo hợp đồng Ngân hàng giải ngân số tiền vay cho vợ chồng ông H theo Giấy nhận nợ số 01/0396/00616/04.HĐTDTLTDH ngày 04/01/2017.

Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông H và anh M ký với Ngân hàng các Hợp đồng thế chấp tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0392/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015. Theo đó, vợ chồng ông H thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 1330, tờ bản đồ số 02, diện tích 90m^2, loại đất T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106 cấp ngày 11/5/2004 do bà Cao Thị T đứng tên (Hồ sơ cấp giấy chỉnh lý trang sau số 002606 ngày 23/4/2014). Đất tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0415/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 09/10/2015. Theo đó, vợ chồng ông H thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.925,8m^2, loại đất LUA, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01592 cấp ngày 30/10/2009 do ông Nguyễn Văn H đứng tên (Hồ sơ cấp giấy chỉnh lý trang sau số 004433 ngày 09/10/2015). Đất tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 621, tờ bản đồ

số 04, diện tích 4.016m^2, loại đất LUA, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00003 cấp ngày 14/10/2002 do ông Nguyễn Văn H đứng tên (Hồ sơ cấp giấy chỉnh lý trang sau số 004433 ngày 09/10/2015). Đất tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0393/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015. Theo đó, vợ chồng ông H thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản trên thửa đất số 1330, tờ bản đồ số 02, diện tích 90m^2, loại đất T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00106 cấp ngày 11/5/2004 do bà Cao Thị T đứng tên (Hồ sơ cấp giấy chỉnh lý trang sau số 002606 ngày 23/4/2014). Đất tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0395/00615/01B.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015. Theo đó, ông H và anh M thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thửa đất số 439, tờ bản đồ số 05, diện tích 339m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02107 cấp ngày 13/11/2014 do anh Cao Văn M đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0394/00615/01B.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015. Theo đó, ông H và anh M thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại các thửa đất sau:

+ Thửa đất số 439, tờ bản đồ số 05, diện tích 339m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02107 cấp ngày 13/11/2014 do anh Cao Văn M đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TH, xã TL, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

+ Thửa đất số 430, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.619m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02106 cấp ngày 13/11/2014 do anh Cao Văn M đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TH, xã TL, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

+ Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 05, diện tích 19.767m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02105 cấp ngày 13/11/2014 do anh Cao Văn M đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp TH, xã TL, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các khoản nợ trên đã chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H thanh toán nợ nhưng vợ chồng ông H không thực hiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi của 02 hợp đồng tín dụng tổng cộng là 2.613.995.009 đồng. Nếu vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và tài sản thế chấp bão lãnh để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H thừa nhận vợ chồng ông có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Số tiền vốn vay, tiền lãi vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng và tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay đúng như người đại diện của Ngân hàng trình bày. Sở dĩ vợ chồng ông chưa trả được nợ là do thời gian qua việc làm ăn kinh doanh thua lỗ nên không có khả năng thanh toán. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền vốn và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng với số tiền 2.613.995.009 đồng vợ chồng ông đồng ý, nhưng đề nghị Ngân hàng cho ông tự bán tài sản để thanh toán nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn M trình bày: Anh M thừa nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các

thửa đất số 399, 430, 439, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02105, CH02106, CH02107 cấp ngày 13/11/2014 do anh đứng tên để đảm bảo số nợ vay cho vợ chồng ông H. Nay vợ chồng ông H làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Anh đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Quá trình tố tụng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Vụ kiện không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện của Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.613.995.009 đồng. Trong đó, vốn gốc là 2.190.560.000 đồng, tiền lãi 423.435.009 đồng (lãi tính đến ngày 19/7/2019). Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu vợ chồng ông H tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán tất nợ. Trường hợp vợ chồng ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của vợ chồng ông H và tài sản thế chấp bảo lãnh của anh M để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Cao Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng P, anh Cao Văn M vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền 2.613.995.009 đồng (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn). Nếu vợ chồng ông H không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và tài sản thế chấp bảo lãnh để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về việc tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H, bà Cao Thị T là bị đơn, không có yêu cầu phản tố. Anh Cao Văn M, anh Nguyễn Hoàng P người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập được triệu tập hợp lệ lần thứ hai

vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tiền vốn vay: Vợ chồng ông H vay của Ngân hàng TMCP BV số tiền gốc 2.260.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0395/00616/02.HĐTDHM và Hợp đồng tín dụng số 0396/00616/04.HĐTDTLTDH ngày 27/12/2016. Quá trình vay vợ chồng ông H trả được 69.440.000 đồng tiền vốn và một khoản tiền lãi. Còn nợ tiền vốn 2.190.560.000 đồng, nợ tiền lãi 423.435.009 đồng. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông H vẫn không thanh toán, số nợ trên đã chuyển nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về tiền lãi: Theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng, lãi suất cho vay đối với hợp đồng tín dụng số 0395/00616/02.HĐTDHM ngày 27/12/2016 được xác định theo từng lần nhận tiền vay theo quyết định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân theo từng giấy nợ. Số tiền vay theo Hợp đồng này Ngân hàng giải ngân theo 03 giấy nợ, lãi suất theo giấy nợ thứ nhất và giấy nợ thứ hai là 10,2 %/năm, theo giấy nợ thứ 3 là 10,5%/năm. Tại điều 3 Hợp đồng tín dụng số 0396/00616/04.HĐTDTLTDH ngày 27/12/2016 lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi trên giấy nợ, lãi suất cố định 11% trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ + biên độ 3,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Xét thấy, việc các bên thỏa thuận về lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là đúng pháp luật phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 11; Điều 24, Điều 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng (*được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*). Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo bảng kê chiết tính tiền vay chi tiết thì tính đến ngày 19/7/2019 tổng số nợ gốc và nợ lãi mà vợ chồng ông H còn nợ Ngân hàng số tiền là 2.613.995.009 đồng, đối chiếu với hợp đồng vay, bảng kê chiết tính chi tiết mà Ngân hàng cung cấp số tiền mà vợ chồng ông H còn nợ Ngân hàng là đúng. Do đó cần buộc vợ chồng ông H phải trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền trên là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp của bên thứ 3 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với vợ chồng ông H. Quá trình tố tụng anh M thừa nhận có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 439, thửa đất số 430, thửa đất số 399, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02105, CH02106, CH02107 cấp ngày 13/11/2014 do anh đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông H. Hiện tại vợ chồng ông H làm ăn thất bại không thanh toán được nợ cho Ngân hàng nên anh đồng ý để Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp bảo lãnh để thu hồi nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng tương ứng với phạm vi bảo lãnh

trong trường hợp tài sản thế chấp của vợ chồng ông H không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 156, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc vợ chồng ông H phải nộp 5.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi xong nên vợ chồng ông H phải nộp để trả lại cho Ngân hàng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 11; Điều 24; Điều 25 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BV về việc đòi nợ đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn H và vợ là Cao Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP BV số tiền 2.613.995.009đồng. Trong đó, vốn gốc là 2.190.560.000đồng, tiền lãi là 423.435.009 đồng (lãi tính đến ngày 19/7/2019).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/7/2019), vợ chồng ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp, ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0392/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015, Hợp đồng thế chấp số 0415/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 09/10/2015 và Hợp đồng thế chấp số 0393/00615/01A.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015. Trường hợp tài sản thế chấp của vợ chồng ông H không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp bảo lãnh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0394/00615/01B.HĐTCQSDĐ và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền

với đất theo số 0395/00615/01B.HĐTCQSDĐ ngày 02/10/2015 để thu hồi nợ vốn và nợ lãi tương ứng với phần giá trị tài sản thế chấp bảo lãnh được xác định trong hợp đồng.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 156, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị T phải nộp 5.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi xong nên ông H, bà Thúy phải nộp để trả lại cho Ngân hàng (giao nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị T phải nộp 84.279.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP BV được nhận lại 39.501.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001251 ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKS nhân dân huyện CĐ;
- Chi cục THA dân sự huyện CĐ;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn